BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 NĂM 2018-2019

LỚP D16KX2 - GVCV : NGUYỄN NGUYÊN KHANG.

STT	mã số	Họ và	tên	TC1 (0-:-20)				TC2 (0-:-25)		TC3 (0-:-20)		TC4 (0-:-25)		TC5 (0-:-10)						HM	BHYT	TỔNG ĐIỂM				GHI CHÚ
				lớp	khoa	ht	khoa	lớp	khoa	lớp	khoa	lớp	khoa	lớp	hsv	Đoan TN	khoa (phụ trách lớp, ĐTN, HSV)	khoa (HĐ phong trào)	khoa (HĐ học thuật)	5đ	-10	lớp	x.loại	khoa	x.loại	
1	16DQ5803010039	Lê Thị	Đông	3	3	10	13	25	15	11	11	15	15				4					54	TB	**58**	TB	
2	16DQ5803010040	Lê Hạnh	Duyên	6	3	12	15	25	15	12	12	15	15		1		6		-5			58	TB	**58**	TB	
3	16DQ5803010041	Võ Nguyễn Hương	Giang	6	6	10	16	25	25	12	12	15	15	10	1		9					68	Khá	**77**	Khá	
4	16DQ5803010042	Phạm Nguyễn Hồn	Hân	3	3	10	13	25	25	13	13	15	15	10			10					66	Khá	**76**	Khá	LTAN,
5	16DQ5803010043	Lê Thị Thanh	Hằng	3	3	8	11	25	25	10	10	15	15				5					53	TB	**66**	Khá	
6	16DQ5803010044	Huỳnh Thị Mỹ	Hạnh	3	3	8	11	25	25	12	12	15	15				5					55	TB	**68**	Khá	
7	16DQ5803010045	Trịnh Thị Ái	Hoa	3	6	12	18	25	25	12	12	15	15	7			5		2			62	TB	**77**	Khá	
8	16DQ5803010046	Lê Thị Phương	Hoa	6	6	10	16	25	25	14	14	15	15	7	1		8		2			67	Khá	**80**	Tốt	LPSH,
9	16DQ5803010047	Đỗ Mỹ	Hòa	3	3	8	11	25	15	10	10	15	15				10					53	TB	**61**	TB	CHP,
10	16DQ5803010049	Nguyễn Thị Ái	Huyền	6	6	12	18	25	25	14	14	15	15		1		8		2			60	TB	**82**	Tốt	
11	16DQ5803010051	Trương Kim	Liên	3	3	8	11	25	25	10	10	15	15				4					53	TB	**65**	Khá	
12	16DQ5803010065	Lê Thị Thanh	Thuỷ	0	0	0	0	25	15	0	0	0	0				3					25	Kém	**18**	Kém	NGHỈ HỌC
13	16DQ5803010066	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	6	6	10	16	25	25	12	12	15	15		1		8					58	TB	**76**	Khá	
14	16DQ5803010067	Nguyễn Thị Bích	Trâm	6	6	8	14	25	25	13	13	15	15	10	1		10					69	Khá	**77**	Khá	BT,
15	16DQ5803010068	Nguyễn Quốc	Trí	3	6	10	16	25	25	15	15	15	15	10			4		10			68	Khá	**85**	Tốt	LT,
16	16DQ5803010070	Nguyễn	Trung	6	6	14	20	25	25	14	14	15	15	5	1		5		10	5		65	Khá	**94**	XS	
17	16DQ5803010071	Phan Văn	Tý	3	3	10	13	25	25	10	10	15	15		1		4					53	TB	**67**	Khá	
18	16DQ5803010072	Trương Quang	Vân	3	3	12	15	25	25	12	12	15	15	5	2		10			5		60	TB	**82**	Tốt	
19	16DQ5803010073	Nguyễn Thị Tường	Vi	3	6	8	14	25	15	10	10	15	15				3		2			53	TB	**59**	TB	
20	16DQ5803010074	Nguyễn Ngọc Hiền	Vy	6	6	8	14	25	25	14	14	15	15	10	2		10					70	Khá	**78**	Khá	BT, UV BCH, CHT
21	16DQ5803010084	Huỳnh Thị Bích	Trâm	3	3	10	13	25	25	14	14	15	15	15			8			5		72	Khá	**80**	Tốt	
22	16DQ5803010085	Trần Vĩnh	An	3	3	10	13	25	25	10	10	15	15				5					53	TB	**68**	Khá	
23	16DQ5803010087	Đoàn Minh	Khải	3	3	10	13	25	25	10	10	15	15				3					53	TB	**66**	Khá	
24	16DQ5803010089	Nguyễn Hoàn	Vũ	0	0	0	0	0	0	0	0	15	15				1					15	Kém	**16**	Kém	
25	16DQ5803010090	Nguyễn Thị Thanh	Trà	3	3	0	3	25	15	10	10	15	15				4					53	TB	**47**	Yếu	
26	16DQ5803010091	Lê Huỳnh	Chiến	3	3	10	13	25	25	11	11	15	15				4					54	TB	**68**	Khá	
27	16DQ5803010092	Phạm Thị Thu	Viên	3	3	0	3	25	25	14	14	15	15				5					57	TB	**62**	TB	
28	16DQ5803010101	Trần Xuân	Hậu	6	6	8	14	25	25	1	1	15	15	10			10					57	TB	**65**	Khá	UV LCH,
29	16DQ5803010103	Lương Thị Kim	Linh	3	3	8	11	25	25	14	14	15	15	10			10					67	Khá	**75**	Khá	UV LCĐ,
30	16DQ5803010052	Nguyễn Trần	Luật	3	3	8	11	25	25	12	12	15	15				3					55	TB	**66**	Khá	
31	16DQ5803010053	Ngô Thị Mỹ	Nga	3	3	0	3	25	25	10	10	15	15				4					53	TB	**57**	TB	
32	16DQ5803010054	Huỳnh Thị Hoài	Nhã	3	3	8	11	25	25	12	12	15	15	5			10			5		60	TB	**78**	Khá	
33	16DQ5803010055	Trần Nghĩa	Nhân	3	3	12	15	25	25	12	12	15	15				8					55	TB	**75**	Khá	UV,
34	16DQ5803010057	Nguyễn Nữ Hoàng	Phi	3	6	14	20	25	25	13	13	15	15	10			6		2	5		66	Khá	**86**	Tốt	LPHT,
35	16DQ5803010058	Nguyễn Thị Nam	Phương	6	6	8	14	25	25	12	12	15	15		1		6					58	TB	**72**	Khá	
36	16DQ5803010060	Huỳnh Thị Thanh	Tâm	6	6	14	20	25	25	16	16	17	17	10	1		10		2			74	Khá	**90**	XS	UV LCH,
37	16DQ5803010061	Nguyễn Quốc	Thanh	3	3	8	11	25	25	12	12	15	15				4					55	TB	**67**	Khá	
38	16DQ5803010062	Trần Thị Thu	Thảo	0	0	0	0	25	15	0	0	0	0				4					25	Kém	**19**	Kém	
39	16DQ5803010063	Trần Thị Thu	Thoa	3	3	0	3	25	15	12	12	15	15				4					55	TB	**49**	Yếu	
40	16DQ5803010064	Nguyễn Hoài	Thu	3	6	12	18	25	15	12	12	15	15				5		2			55	TB	**67**	Khá	

Ngày tháng năm

Chủ nhiệm Khoa

BẢN(TỔNG HỢP

XL	XS	Tốt	Khá	TBK	TB	Yếu	Kém	TC
SL	2	6	21	0	6	2	3	40
%	5.3	15.8	55.3	0.0	15.8	5.3	7.9	105

Người lập

Trần Thị Quỳnh Như

Lê Thị Ngọc Thảo

;